

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **04/2020/HNGĐ-ST**
Ngày: 11 - 03 - 2020
V/v “*Tranh chấp ly hôn
và nuôi con chung*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG
- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Mai Tấn Đầu**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Văn Kiện**
2. Ông **Nguyễn Văn Kiệt**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Lý Văn Toán** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang:* Không tham gia phiên tòa.

Ngày 11 tháng 03 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành-Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 77/2020/TLST-HNGĐ ngày 08/01/2020 về việc: “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung*”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2019/QĐST - HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Thị Kim C**, sinh năm 1997. (có mặt)

Địa chỉ: ấp AP, xã BA, huyện CT, tỉnh KG.

2. Bị đơn: Anh **Danh N**, sinh năm 1995. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: khu phố MA, thị trấn ML, huyện CT, tỉnh KG.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong bản tự khai, biên bản không tiến hành hòa giải được nguyên đơn chị **Thị Kim C** trình bày:**

Vào năm 2014, chị và anh **Danh N** chung sống với nhau có làm lễ cưới nhưng đến ngày 26/4/2019 thì anh chị mới đi đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn ML, huyện CT, tỉnh KG. Thời gian đầu anh chị chung sống rất hòa thuận và có 01 người con

chung tên: Danh Hoàng A, sinh ngày 20/04/2014. Nhưng đến khoảng cuối năm 2019 thì bất đồng quan điểm và anh chị đã nhiều lần cố gắng hàn gắn nhưng vẫn mâu thuẫn nhau và hiện tại chị và anh N đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị Thị Kim C khởi kiện xin ly hôn

Tại phiên tòa chị Thị Kim C có ý kiến:

- Về hôn nhân: xin được ly hôn với anh Danh N.
- Về việc nuôi con chung: Chị yêu cầu được nuôi dưỡng 01 người con chung tên: Danh Hoàng A, sinh ngày 20/04/2014 và chị không yêu cầu anh Danh N phải cấp dưỡng nuôi con.
- Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Danh N vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình giải quyết anh N có ý kiến như sau: Về hôn nhân, con chung và tài sản chung anh N xác nhận như lời chị C trình bày. Tuy nhiên, anh N không đồng ý ly hôn với chị C do còn thương vợ thương con; Còn về con chung thì anh đồng ý giao cháu Danh Hoàng A cho chị C chăm sóc nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] - Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Thị Kim C thực hiện quyền khởi kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự là thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

[2] - Về quan hệ pháp luật tranh chấp, nguyên đơn chị Thị Kim C yêu cầu ly hôn và nuôi con chung với bị đơn anh Danh N. Nên quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định trong vụ án là “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung*”.

[3] - Về sự có mặt của các đương sự: Bị đơn anh Danh N đã được Tòa án triệu tập, tổng đạt xét xử hợp lệ, đúng theo quy định của pháp luật và anh N cũng có đơn xin xét xử vắng mặt. Tại phiên tòa, nguyên đơn chị C yêu cầu xét xử vắng mặt bị đơn anh N theo quy định pháp luật. Căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn anh Danh N.

[4] - Về nội dung vụ án: Nguyên đơn chị Thị Kim C cho rằng vào năm 2014, chị và anh N tự nguyện yêu thương nhau và chung sống với nhau, có làm lễ cưới nhưng cho đến năm 2019 mới đi đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn ML, huyện CT, tỉnh KG. Trong thời gian chung sống thì anh chị có một người con chung tên Danh Hoàng A, sinh ngày 20/04/2014 nhưng khoảng cuối năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn dù vợ chồng đã cố gắng hàn gắn nhưng không thành và hiện tại chị và anh N đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Chị cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị khởi kiện xin ly hôn; Anh N cũng xác nhận như lời trình bày của chị C nhưng anh không đồng ý ly hôn với chị C do anh còn thương vợ, thương con.

Hội đồng xét xử xét thấy: Từ cuối năm 2019 cho đến nay chị và anh N đã sống ly thân cho đến nay, không có liên hệ với nhau. Xét thấy, mâu thuẫn về hôn nhân giữa chị C và anh N đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, tại phiên tòa chị C vẫn cương quyết yêu cầu xin được ly hôn với anh N. Do đó, việc xin ly hôn của chị C đối với anh N là hoàn toàn có căn cứ phù hợp tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Thị Kim C đối với anh Danh N.

[5] - Về quan hệ con chung: Chị C và anh N đều xác nhận anh chị có 01 người con chung tên Danh Hoàng A, sinh ngày 20/04/2014. Hiện nay cháu Hoàng Anh đang sống cùng với chị C, chị C muốn được nuôi dưỡng chăm sóc cháu Hoàng A và không cần anh N phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy: Hiện nay cháu Danh Hoàng A, sinh ngày 20/04/2014 đang sinh sống với chị C. Mặc khác, hiện tại Hoàng A còn nhỏ, cần sự chăm sóc của chị C, bên cạnh đó trong quá trình giải quyết vụ kiện thì anh N cũng đồng ý giao cháu. Do đó, trong thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất giao Danh Hoàng A, sinh ngày 20/04/2014 cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng để không làm thay đổi môi trường sinh hoạt và sự phát triển bình thường của cháu.

[6] - Về tài sản chung: Chị C và anh N xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa không xem xét giải quyết.

[7] - Về nợ chung vợ chồng: Chị C và anh N xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa không xem xét giải quyết.

[8] - Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án buộc nguyên đơn chị Thị Kim C phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng, nhưng chị C được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002092 ngày 26/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ vào các Điều 56; Điều 57; Điều 80; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm thu, nộp và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn chị Thị Kim C đối với bị đơn anh Danh N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn chị Thị Kim C được ly hôn đối với bị đơn anh Danh N.
2. Về quan hệ con chung: Giao cháu Danh Hoàng A, sinh ngày 20/04/2014 cho chị Thị Kim C chăm sóc nuôi dưỡng, chị C không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con. Anh N không phải cấp dưỡng nuôi con, anh N có quyền thăm nom, chăm sóc con mà không ai có quyền cản trở.
3. Về tài sản chung: Chị C và anh N xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa không xem xét giải quyết.
4. Về nợ chung vợ chồng: Chị C và anh N xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Buộc nguyên đơn chị Thị Kim C phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng, nhưng chị C được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002092 ngày 26/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

6. Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết bản án

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, V.phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Tấn Đầu